

Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19A1003	Phùng	Hải	36A1	1	06	7.0	Bảy không	Phu	
2	CQ19A1004	Dương Minh	Hiên	36A1	1	05	8.5	Tám năm	Phu	
3	CQ19A1005	Đặng Chí	Huy	36A1	1	06	8.5	Tám năm	Phu	
4	CQ19A1016	Nguyễn Thành	Phong	36A1	1	05	9.5	Chín năm	Phu	
5	CQ19A1009	Vũ Thị	Thương	36A1	1	06	8.5	Tám năm	Phu	
6	CQ19A1013	Lê Tuấn	Việt	36A1	1	05	5.0	Năm không	Phu	
7	CQ19A1012	Phạm Hoàng	Việt	36A1	1	06	9.0	Chín không	Phu	
8	CQ19A1015	Trần Bảo	Xuyên	36A1	1	05	9.5	Chín năm	Phu	
9	CQ19A2025	Nguyễn Thị Thảo	Hiên	36A2	1	06	7.5	Bảy năm	Phu	
10	CQ19A2026	Trịnh Thị Thu	Hiên	36A2	1	05	9.5	Chín năm	Phu	
11	CQ16A2018	Trần Anh	Kiệt	36A2	1	06	9.0	Chín không	Phu	
12	CQ19A2007	Trần Thị Ngọc	Lài	36A2	1	05	8.0	Tám không	Phu	
13	CQ19A2009	Phạm Thị Thùy	Linh	36A2	1	06	9.0	Chín không	Phu	
14	CQ19A2012	Phạm Văn	Long	36A2	1	05	9.5	Chín năm	Phu	
15	CQ19A2013	Lý Mỹ	Nhi	36A2	1	06	8.0	Tám không	Phu	
16	CQ19A2015	Bùi Thị Hồng	Nhung	36A2	1	05	7.0	Bảy không	Phu	
17	CQ18A2017	Nguyễn Hữu	Phát	36A2	1	06	8.0	Tám không	Phu	
18	CQ19A2017	Nguyễn Văn Thanh	Quý	36A2	1	05	9.5	Chín năm	Phu	
19	CQ19A2018	Trần Bé	Tâm	36A2	1	06	9.0	Chín không	Phu	
20	CQ19A2023	Nguyễn Quốc	Tuấn	36A2	1	05	8.0	Tám không	Phu	
21	CQ16A2002	Trần Hoàng	Anh	33A2	1	05	9.0	Chín không	Phu	
22	CQ16A2006	Vi Văn	Dũng	33A2	1	05	8.0	Tám không	Phu	
23	CQ17A1024	Trần Võ	Công	34A1	1	06	6.0	Sáu không	Phu	
24	CQ17A2011	Tô Hiền	Tâm	34A2	1	05	9.5	Chín năm	Phu	
25	CQ17A2015	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	34A2	1	06	6.0	Sáu không	Phu	
26	CQ18A1014	Nguyễn Văn	Phát	35A1	1	05	8.5	Tám năm	Phu	
27	CQ18A2015	Đỗ Minh	Tú	35A2	1	06	8.0	Tám không	Phu	
28	CQ18A2025	Tạ Thị Hải	Yến	35A2	1	05	8.0	Tám không	Phu	

Danh sách này có: 28 học sinh

Số bài thi: ...28.../...28... tờ giấy thi

Giám thị 1: Phan...Thị...Mỹ...Chân...K.....

Giám thị 2: ...Nguyễn...Thị...Thanh...Nông...Lâm...Thanh

Vào điểm: ...Đặng...Thị...Mỹ...Phuông...T.....





Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 90'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19A1003	Phùng	Hải	36A1	1	5M	9,5	chín năm	Phu	
2	CQ19A1004	Dương Minh	Hiên	36A1	1	512	9,0	chín không	Phu	
3	CQ19A1005	Đặng Chí	Huy	36A1	1	513	10,0	muối không	Phu	
4	CQ19A1016	Nguyễn Thành	Phong	36A1	1	511	10,0	muối không	Phu	
5	CQ19A1009	Vũ Thị	Thương	36A1	1	512	10,0	muối không	Phu	
6	CQ19A1013	Lê Tuấn	Việt	36A1	1	513	9,5	chín năm	Phu	
7	CQ19A1012	Phạm Hoàng	Việt	36A1	1	511	10,0	muối không	Phu	
8	CQ19A1015	Trần Bảo	Xuyên	36A1	1	512	10,0	muối không	Phu	
9	CQ19A2025	Nguyễn Thị Thảo	Hiên	36A2	1	513	8,5	tám năm	Phu	
10	CQ19A2026	Trịnh Thị Thu	Hiên	36A2	1	511	9,0	chín không	Phu	
11	CQ16A2018	Trần Anh	Kiệt	36A2	1	512	10,0	muối không	Phu	
12	CQ19A2007	Trần Thị Ngọc	Lài	36A2	1	513	9,5	chín năm	Phu	
13	CQ19A2009	Phạm Thị Thùy	Linh	36A2	1	511	10,0	muối không	Phu	
14	CQ19A2012	Phạm Văn	Long	36A2	1	512	9,5	chín năm	Phu	
15	CQ19A2013	Lý Mỹ	Nhi	36A2	1	513	6,0	sáu không	Phu	
16	CQ19A2015	Bùi Thị Hồng	Nhung	36A2	1	511	10,0	muối không	Phu	
17	CQ18A2017	Nguyễn Hữu	Phát	36A2	1	512	7,5	bảy năm	Phu	
18	CQ19A2017	Nguyễn Văn Thanh	Quý	36A2	1	513	7,5	bảy năm	Phu	
19	CQ19A2018	Trần Bé	Tâm	36A2	1	511	10,0	muối không	Phu	
20	CQ19A2023	Nguyễn Quốc	Tuấn	36A2	1	512	8,5	tám năm	Phu	
21	CQ16A2002	Trần Hoàng	Anh	33A2	1	513	10,0	muối không	Phu	
22	CQ16A2006	Vi Văn	Dũng	33A2	1	511	9,5	chín năm	Phu	
23	CQ17A1024	Trần Võ	Công	34A1	1	511	9,0	chín không	Phu	
24	CQ17A2011	Tô Hiền	Tâm	34A2	1	511	9,5	chín năm	Phu	
25	CQ17A2015	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	34A2	1	512	9,5	chín năm	Phu	
26	CQ18A1014	Nguyễn Văn	Phát	35A1	1	512	9,0	chín không	Phu	
27	CQ18A2015	Đỗ Minh	Tú	35A2	1	512	10,0	muối không	Phu	
28	CQ18A2025	Tạ Thị Hải	Yến	35A2	1	513	9,0	chín không	Phu	
29	TC19A1005	Vũ Thành	Công	TY24	1	511	9,0	chín không	Phu	Thi lại Vp

Danh sách này có: 29 học sinh

Số bài thi: 2B...1...2B... tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn...Phu...Dung...

Giám thị 2: Ng...Th...Thanh...Non...Cuc...Thanh

Vào điểm: Ng...Th...Thanh...Non...Cuc...Thanh

TM HỘI ĐỒNG THI





Handwritten table with 4 columns. The first column contains names, the second column contains numbers, and the third and fourth columns contain additional data. The text is written in Vietnamese.

STT	Họ và Tên	Điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Văn A	10	
2	Trần Thị B	9	
3	Phạm Văn C	8	
4	Đỗ Thị D	7	
5	Nguyễn Văn E	6	
6	Trần Thị F	5	
7	Phạm Văn G	4	
8	Đỗ Thị H	3	
9	Nguyễn Văn I	2	
10	Trần Thị J	1	
11	Phạm Văn K	0	
12	Đỗ Thị L	0	
13	Nguyễn Văn M	0	
14	Trần Thị N	0	
15	Phạm Văn O	0	
16	Đỗ Thị P	0	
17	Nguyễn Văn Q	0	
18	Trần Thị R	0	
19	Phạm Văn S	0	
20	Đỗ Thị T	0	

Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Phòng thi: Phòng TH thứ 4

Ngày thi: 24.12.2021

Thời gian: 13h → 15h30

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19A1003	Phùng	Hải	36A1	1	003	7.0	Bảy không	Sho	
2	CQ19A1004	Dương Minh	Hiên	36A1	1	022	8.0	Tám không	Sho	
3	CQ19A1005	Đặng Chí	Huy	36A1	1	024	6.0	Sáu không	Quy	
4	CQ19A1016	Nguyễn Thành	Phong	36A1	1	025	8.5	Tám năm	Phong	
5	CQ19A1009	Vũ Thị	Thương	36A1	1	030	8.0	Tám không	Thương	
6	CQ19A1013	Lê Tuấn	Việt	36A1	1	020	8.0	Tám không	Việt	
7	CQ19A1012	Phạm Hoàng	Việt	36A1	1	004	8.0	Tám không	Việt	
8	CQ19A1015	Trần Bảo	Xuyên	36A1	1	017	8.5	Tám năm	Xuyên	
9	CQ19A2025	Nguyễn Thị Thảo	Hiên	36A2	1	028	6.5	Sáu năm	Thảo	
10	CQ19A2026	Trịnh Thị Thu	Hiên	36A2	1	018	2.0	Hai không	Thu	
11	CQ16A2018	Trần Anh	Kiệt	36A2	1	009	9.0	Chín không	Anh	
12	CQ19A2007	Trần Thị Ngọc	Lài	36A2	1	005	7.0	Bảy không	Lài	
13	CQ19A2009	Phạm Thị Thùy	Linh	36A2	1	032	7.0	Bảy không	Linh	
14	CQ19A2012	Phạm Văn	Long	36A2	1	031	7.0	Bảy không	Long	
15	CQ19A2013	Lý Mỹ	Nhi	36A2	1	002	7.5	Bảy năm	Nhi	
16	CQ19A2015	Bùi Thị Hồng	Nhung	36A2	1	011	8.0	Tám không	Nhung	
17	CQ18A2017	Nguyễn Hữu	Phát	36A2	1	029	7.0	Bảy không	Phát	
18	CQ19A2017	Nguyễn Văn Thanh	Quý	36A2	1	008	7.0	Bảy không	Quý	
19	CQ19A2018	Trần Bé	Tâm	36A2	1	001	8.0	Tám không	Tâm	
20	CQ19A2023	Nguyễn Quốc	Tuấn	36A2	1	015	8.5	Tám năm	Quốc	
21	CQ16A2002	Trần Hoàng	Anh	33A2	1	016	7.0	Bảy không	Anh	
22	CQ16A2006	Vì Văn	Dũng	33A2	1	026	7.0	Bảy không	Vì	
23	CQ17A1024	Trần Võ	Công	34A1	1	006	6.5	Sáu năm	Công	
24	CQ17A2011	Tô Hiền	Tâm	34A2	1	021	6.5	Sáu năm	Tô	
25	CQ17A2015	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	34A2	1	013	7.0	Bảy không	Trâm	
26	CQ18A1014	Nguyễn Văn	Phát	35A1	1	019	7.5	Bảy năm	Phát	
27	CQ18A2015	Đỗ Minh	Tú	35A2	1	014	8.0	Tám không	Đỗ	
28	CQ18A2025	Tạ Thị Hải	Yến	35A2	1	012	7.0	Bảy không	Yến	

Danh sách này có: 28 học sinh

Số bài thi: 28.../...28... tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn...Phú...Dung...

Giám thị 2: ...

Vào điểm: Nguyễn...Phú...Dung...

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH





SỞ LAO ĐỘNG - TB & XH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NÔNG LÂM NGHIỆP

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: HT 15

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19B2013	Nguyễn Thị Xuân	Đào	36B1	1	05	7.5	Bảy năm	<u>Đào</u>	
2	CQ19B2012	Nguyễn Quốc	Hải	36B1	1	5	8.5	Tám năm	<u>Hải</u>	
3	CQ19B2016	Võ Ngọc	Thanh	36B1						Vắng
4	CQ19B2015	Nguyễn Thị Bảo	Trần	36B1	1	05	6.5	Sáu năm	<u>Trần</u>	
5	CQ19B2001	Đào Văn	Bản	36B2	1	05	7.5	Bảy năm	<u>Bản</u>	
6	CQ19B2004	Vũ Lương Gia	Huy	36B2	1	05	8.5	Tám năm	<u>Hu</u>	
7	CQ19B2006	Lê Đỗ Xuân	Nghi	36B2	1	06	9.0	Chín không	<u>1 cho</u>	
8	CQ19B2008	Phạm Thị Huyền	Trang	36B2	1	05	8.5	Tám năm	<u>Tr</u>	
9	CQ19B3033	Nguyễn Thị Diệu	Linh	36B3	1	06	2.5	Hai năm	<u>Linh</u>	
10	CQ19B3016	Trần Phi	Long	36B3	1	06	9.0	Chín không	<u>Long</u>	
11	CQ19B3019	Trần Thanh	Nhã	36B3						Vắng
12	CQ19B3022	Phan Thị Kiều	Oanh	36B3	1	06	6.5	Sáu năm	<u>Oanh</u>	

Danh sách này có: 12 học sinh

Số bài thi: 10 / 10 tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn Phú Dung

Giám thị 2: Đặng Phú Mỹ Phương

Vào điểm: Nguyễn Phú Dung





Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: 15

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19B2013	Nguyễn Thị Xuân	Đào	36B1	1	812	5,5	năm năm	Đào	
2	CQ19B2012	Nguyễn Quốc	Hải	36B1	1	705	6,0	sáu không	Hải	
3	CQ19B2016	Võ Ngọc	Thanh	36B1	—	—	—	—	—	Vắng
4	CQ19B2015	Nguyễn Thị Bảo	Trần	36B1	1	812	7,5	bảy năm	Trần	
5	CQ19B2001	Đào Văn	Bản	36B2	1	705	8,0	tám không	Bản	
6	CQ19B2004	Vũ Lương Gia	Huy	36B2	1	981	7,0	bảy không	Huy	
7	CQ19B2006	Lê Đỗ Xuân	Nghi	36B2	1	812	8,0	tám không	Nghi	
8	CQ19B2008	Phạm Thị Huyền	Trang	36B2	1	705	8,5	tám năm	Trang	
9	CQ19B3033	Nguyễn Thị Diệu	Linh	36B3	1	981	3,5	ba năm	Linh	
10	CQ19B3016	Trần Phi	Long	36B3	1	981	9,5	chín năm	Long	
11	CQ19B3019	Trần Thanh	Nhã	36B3	—	—	—	—	—	Vắng
12	CQ19B3022	Phan Thị Kiều	Oanh	36B3	1	981	4,0	bốn không	Oanh	

Danh sách này có: 12 học sinh

Số bài thi: 10 / 10 tờ giấy thi

Giám thị 1: Phạm Thị Mỹ Chân

Giám thị 2: Đặng Thị Mỹ Phương

Vào điểm: Nguyễn Thị Thanh

TM. HỘI ĐỒNG THI





DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Phòng thi: 1

Ngày thi: 24/12/2021

Thời gian: 7h30'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19B2013	Nguyễn Thị Xuân	Đào	36B1		3	8,0	Tám chữ	Đào	
2	CQ19B2012	Nguyễn Quốc	Hải	36B1		7	7,5	Bảy rưỡi	Hải	
3	CQ19B2016	Võ Ngọc	Thanh	36B1		—	—	—		Vắng
4	CQ19B2015	Nguyễn Thị Bảo	Trần	36B1		1	8,0	Tám chữ	Trần	
5	CQ19B2001	Đào Văn	Bản	36B2		4	8,5	Tám rưỡi	Bản	
6	CQ19B2004	Vũ Lương Gia	Huy	36B2		8	7,5	Bảy rưỡi	Huy	
7	CQ19B2006	Lê Đỗ Xuân	Nghi	36B2		5	8,0	Tám chữ	Nghi	
8	CQ19B2008	Phạm Thị Huyền	Trang	36B2		11	8,5	Tám rưỡi	Trang	
9	CQ19B3033	Nguyễn Thị Diệu	Linh	36B3		12	7,0	Bảy chữ	Linh	
10	CQ19B3016	Trần Phi	Long	36B3		9	8,5	Tám rưỡi	Long	
11	CQ19B3019	Trần Thanh	Nhã	36B3						Vắng
12	CQ19B3022	Phan Thị Kiều	Oanh	36B3		6	9,0	Chín chữ	Oanh	

Danh sách này có: 12 học sinh

Số bài thi: 10 / 10 tờ giấy thi

Giám thị 1:

Giám thị 2: Phan Thị Bích Phượng

Vào điểm: Lê Thị Tiên

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hà

Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: 15

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19C1003	Nguyễn Văn	Sơn	36C1						Vắng
2	CQ19C2002	Phạm Đoàn Hồng	Anh	36C2	1	06	9.0	Chín không	Anh	
3	CQ19C2003	Trịnh Thị Tâm	Anh	36C2	1	06	9.5	Chín năm	Anh	
4	CQ19C2006	Thái Ngọc	Châu	36C2	1	06	9.5	Chín năm	Châu	
5	CQ19C2047	Trần Thị Hồng	Gấm	36C2	1	06	9.0	Chín không	Gấm	
6	CQ19C2007	Nguyễn Thị Thanh	Hà	36C2	1	06	8.5	Tám năm	Hà	
7	CQ19C3007	Nguyễn Ngọc	Hân	36C2	1	05	9.0	Chín không	Hân	
8	CQ19C2008	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	36C2	1	06	9.5	Chín năm	Hằng	
9	CQ19C2010	Lê Thị Mỹ	Hòa	36C2	1	05	8.5	Tám năm	Hòa	
10	CQ19C2013	Nguyễn Văn	Lâm	36C2	1	05	7.0	Bảy không	Lâm	
11	CQ19C2015	Huỳnh Văn	Lộc	36C2	1	05	7.0	Bảy không	Lộc	
12	CQ19C2016	Ngô Thị Cẩm	Ly	36C2	1	05	9.0	Chín không	Ly	
13	CQ19C2019	Võ Thúy	Nga	36C2	1	05	7.5	Bảy năm	Nga	
14	CQ19C2024	Ngô Thanh	Nhi	36C2	1	05	9.5	Chín năm	Nhi	
15	CQ19C2023	Nguyễn Ngọc	Nhi	36C2	1	05	9.5	Chín năm	Nhi	
16	CQ19C2027	Phan Thị Quỳnh	Như	36C2	1	06	7.0	Bảy không	Như	
17	CQ19C2034	Dương Trí	Thanh	36C2	1	06	9.0	Chín không	Thanh	
18	CQ19C2036	Tạ Thị Hồng	Thu	36C2	1	06	8.0	Tám không	Thu	
19	CQ19C2037	Nguyễn Thị Bảo	Thư	36C2	1	06	9.0	Chín không	Thư	
20	CQ19C2039	La Võ Thủy	Tiên	36C2	1	05	5.5	Năm năm	Tiên	
21	CQ19C2040	Nguyễn Trọng	Tiến	36C2	1	06	8.0	Tám không	Tiến	
22	CQ19C2041	Lê Thị Ngọc	Trâm	36C2	1	06	5.0	Năm không	Trâm	
23	CQ19C2042	Nguyễn Thị	Trang	36C2	1	05	9.5	Chín năm	Trang	
24	CQ19C2043	Trần Thị	Trang	36C2	1	05	9.0	Chín không	Trang	

Danh sách này có: 24 học sinh

Số bài thi: 23/23 tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn Phú Dung

Giám thị 2: Hồng Thị Mỹ Phương

Vào điểm: Nguyễn Phú Dung





Date		Time		Place		Remarks	
1941	10/1	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/2	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/3	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/4	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/5	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/6	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/7	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/8	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/9	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/10	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/11	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/12	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/13	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/14	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/15	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/16	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/17	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/18	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/19	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/20	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/21	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/22	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/23	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/24	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/25	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/26	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/27	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/28	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/29	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	
1941	10/30	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Departed	
1941	10/31	10:00	10:15	St. Paul	St. Paul	Arrived	



DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: 15

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19C1003	Nguyễn Văn	Son	36C1	—	—	—	—	—	✓
2	CQ19C2002	Phạm Đoàn Hồng	Anh	36C2	1	3617	8,0	tám không	Anh	
3	CQ19C2003	Trịnh Thị Tâm	Anh	36C2	1	3616	5,0	năm không	Anh	
4	CQ19C2006	Thái Ngọc	Châu	36C2	1	3615	7,5	bảy năm	Châu	
5	CQ19C2047	Trần Thị Hồng	Gấm	36C2	1	3617	6,5	sáu năm	Gấm	
6	CQ19C2007	Nguyễn Thị Thanh	Hà	36C2	1	3616	3,0	ba không	Hà	
7	CQ19C3007	Nguyễn Ngọc	Hân	36C2	1	3617	5,0	năm không	Hân	
8	CQ19C2008	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	36C2	1	3616	7,0	bảy không	Hằng	
9	CQ19C2010	Lê Thị Mỹ	Hòa	36C2	1	3617	7,0	bảy không	Hòa	
10	CQ19C2013	Nguyễn Văn	Lâm	36C2	1	3616	9,5	chín năm	Lâm	
11	CQ19C2015	Huỳnh Văn	Lộc	36C2	1	3615	9,5	chín năm	Lộc	
12	CQ19C2016	Ngô Thị Cẩm	Ly	36C2	1	3617	7,5	bảy năm	Ly	
13	CQ19C2019	Võ Thúy	Nga	36C2	1	3616	7,0	bảy không	Nga	
14	CQ19C2024	Ngô Thanh	Nhi	36C2	1	3615	8,0	tám không	Nhi	
15	CQ19C2023	Nguyễn Ngọc	Nhi	36C2	1	3617	7,5	bảy năm	Nhi	
16	CQ19C2027	Phan Thị Quỳnh	Như	36C2	1	3616	5,0	năm không	Như	
17	CQ19C2034	Dương Trí	Thanh	36C2	1	3617	7,0	bảy không	Thanh	
18	CQ19C2036	Tạ Thị Hồng	Thu	36C2	1	3615	6,0	sáu không	Thu	
19	CQ19C2037	Nguyễn Thị Bảo	Thư	36C2	1	3616	4,0	bốn không	Thư	
20	CQ19C2039	La Võ Thủy	Tiên	36C2	1	3617	5,5	năm năm	Tiên	
21	CQ19C2040	Nguyễn Trọng	Tiến	36C2	1	3615	9,5	chín năm	Tiến	
22	CQ19C2041	Lê Thị Ngọc	Trâm	36C2	1	3616	5,0	năm không	Trâm	
23	CQ19C2042	Nguyễn Thị	Trang	36C2	1	3615	10,0	mười không	Trang	
24	CQ19C2043	Trần Thị	Trang	36C2	1	3616	6,5	sáu năm	Trang	

Danh sách này có: 24 học sinh

Số bài thi: 23.../...23... tờ giấy thi

Giám thị 1: Phạm Thị Mỹ Châu

Giám thị 2: Đặng Thị Mỹ Phương

Vào điểm: Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Cẩm Ly, Trần Thị Trang

TM. HỘI ĐỒNG THI



Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP Cơ 1

Phòng thi: 05

Ngày thi: 24/12/2021

Thời gian: 90

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số file/ folder	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Số máy
1	CQ19C1003	Nguyễn Văn	Son	36C1	0	—	—	—	✓	✓
2	CQ19C2002	Phạm Đoàn Hồng	Anh	36C2	1	36091	6.0	Sau không	Anh	83
3	CQ19C2003	Trịnh Thị Tâm	Anh	36C2	1	36081	6.0	Sau không	Anh	38
4	CQ19C2006	Thái Ngọc	Châu	36C2	1	36082	6.0	Sau không	Châu	78
5	CQ19C2047	Trần Thị Hồng	Gấm	36C2	1	36081	6.0	Sau không	Gấm	66
6	CQ19C2007	Nguyễn Thị Thanh	Hà	36C2	1	36091	8.5	Tam năm	Hà	46
7	CQ19C3007	Nguyễn Ngọc	Hân	36C2	1	36081	5.0	Năm không	Hân	50
8	CQ19C2008	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	36C2	1	36082	6.0	Sau không	Hằng	84
9	CQ19C2010	Lê Thị Mỹ	Hòa	36C2	1	36082	6.0	Sau không	Hòa	69
10	CQ19C2013	Nguyễn Văn	Lâm	36C2	1	36091	8.0	Tam không	Lâm	68
11	CQ19C2015	Huỳnh Văn	Lộc	36C2	1	36081	7.0	Bảy không	Lộc	47
12	CQ19C2016	Ngô Thị Cẩm	Ly	36C2	1	36082	7.0	Bảy không	Ly	48
13	CQ19C2019	Võ Thúy	Nga	36C2	1	36091	6.0	Sau không	Nga	52
14	CQ19C2024	Ngô Thanh	Nhi	36C2	1	36081	6.5	Sau năm	Nhi	55
15	CQ19C2023	Nguyễn Ngọc	Nhi	36C2	1	36082	5.5	Năm năm	Nhi	77
16	CQ19C2027	Phan Thị Quỳnh	Như	36C2	1	36091	6.0	Sau không	Như	36
17	CQ19C2034	Dương Trí	Thanh	36C2	1	36082	5.5	Năm năm	Thanh	42
18	CQ19C2036	Tạ Thị Hồng	Thu	36C2	1	36081	5.5	Năm năm	Thu	32
19	CQ19C2037	Nguyễn Thị Bảo	Thư	36C2	1	36091	6.0	Sau không	Thư	39
20	CQ19C2039	La Võ Thủy	Tiên	36C2	1	36082	5.5	Năm năm	Tiên	54
21	CQ19C2040	Nguyễn Trọng	Tiến	36C2	1	36081	6.5	Sau năm	Tiến	85
22	CQ19C2041	Lê Thị Ngọc	Trâm	36C2	1	36091	6.0	Sau không	Trâm	70
23	CQ19C2042	Nguyễn Thị	Trang	36C2	1	36082	7.0	Bảy không	Trang	73
24	CQ19C2043	Trần Thị	Trang	36C2	1	36081	7.0	Bảy không	Trang	67

Danh sách này có: 24 học sinh

Số bài thi: 23/1...23/1

Giám thị 1: Mai Thị Hồng

Giám thị 2: Lê Thị Liễu

Vào điểm: Đặng Thị Mỹ Phương

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH



Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: 15

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19C3043	Mang Nguyễn Nguyệt	Anh	36C3	1	05	8.5	Tám năm	Anh	
2	CQ19C3001	Nguyễn Thị Phương	Anh	36C3	1	05	9.5	Chín năm	Anh	
3	CQ19C3008	Trương Thị Ngọc	Hân	36C3	1	05	9.0	Chín không	ngoc	
4	CQ19C3009	Hồ Thị Diễm	Hạnh	36C3	1	05	9.5	Chín năm	Hạnh	
5	CQ19C3045	Trương Mộng Thúy	Hiền	36C3	1	06	8.5	Tám năm	Thúy	
6	CQ19C3011	Hoàng Thị Thanh	Huyền	36C3	1	05	9.0	Chín không	Huyền	
7	CQ19C3014	Tô Thị Khánh	Ly	36C3						Vắng
8	CQ19C3050	Võ Ngọc	Mai	36C3	1	06	9.0	Chín không	Mai	
9	CQ19C3019	Võ Thị Ngọc	Nhi	36C3	1	06	8.0	Tám không	Nhi	
10	CQ19C3021	Nguyễn Hoàng Minh	Phúc	36C3	1	05	8.0	Tám không	Phúc	
11	CQ19C3023	Nguyễn Trúc	Phương	36C3	1	06	9.0	Chín không	Phương	
12	CQ19C3024	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	36C3	1	06	9.0	Chín không	Quỳnh	
13	CQ19C3025	Lê Thanh	Sang	36C3	1	05	8.5	Tám năm	Thanh	
14	CQ19C3027	Nguyễn Thị Minh	Thi	36C3	1	05	9.5	Chín năm	Thi	
15	CQ19C3055	Lê Thị Cẩm	Tiên	36C3	1	05	7.5	Bảy năm	Tiên	
16	CQ19C3032	Nguyễn Đức	Toàn	36C3	1	06	8.5	Tám năm	Toàn	
17	CQ19C3034	Tăng Huệ	Trân	36C3	1	06	9.0	Chín không	Trân	
18	CQ19C3036	Phan Thị Ánh	Tuyết	36C3	1	06	7.0	Bảy không	Tuyết	
19	CQ19C3037	Ngô Thị Mỹ	Uyên	36C3	1	06	9.0	Chín không	Uyên	
20	CQ19C3038	Lương Quốc	Việt	36C3	1	05	8.5	Tám năm	Quốc	
21	CQ19C3041	Nguyễn Thị Yến	Vy	36C3	1	05	7.5	Bảy năm	Yến	
22	CQ19C3039	Võ Thị Thúy	Vy	36C3	1	06	9.0	Chín không	Vy	
23	CQ17C2045	Nguyễn Trương Thị Lam	Hồng	34C2	1	06	9.0	Chín không	Hồng	
24	CQ17C2051	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	34C2						Vắng
25	CQ17C2004	Trần Thị Ngọc	Viên	34C2	1	05	5.0	Năm không	Viên	

Danh sách này có: 25 học sinh

Số bài thi: 23...1...23... tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn Phi Dung

Giám thị 2: Hoàng Thị Mỹ Phương

Vào điểm: Nguyễn Phi Dung





Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: 15

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số file/ folder	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Số máy
1	CQ19C3043	Mang Nguyễn Nguyệt	Anh	36C3	1	3615	9,0	chín không	Anh	
2	CQ19C3001	Nguyễn Thị Phương	Anh	36C3	1	3616	9,5	chín năm	Anh	
3	CQ19C3008	Trương Thị Ngọc	Hân	36C3	1	3617	7,0	bảy không	ngochau	
4	CQ19C3009	Hồ Thị Diễm	Hạnh	36C3	1	3615	5,5	năm năm	Hanh	
5	CQ19C3045	Trương Mộng Thúy	Hiền	36C3	1	3616	7,5	bảy năm	Thuy	
6	CQ19C3011	Hoàng Thị Thanh	Huyền	36C3	1	3617	9,0	chín không	Huyen	
7	CQ19C3014	Tô Thị Khánh	Ly	36C3	—	—	—	—	—	✓
8	CQ19C3050	Võ Ngọc	Mai	36C3	1	3617	8,0	tám không	Mai	
9	CQ19C3019	Võ Thị Ngọc	Nhi	36C3	1	3615	4,0	bốn không	Nhi	
10	CQ19C3021	Nguyễn Hoàng Minh	Phúc	36C3	1	3616	8,5	tám năm	Phuc	
11	CQ19C3023	Nguyễn Trúc	Phương	36C3	1	3617	8,0	tám không	Phuong	
12	CQ19C3024	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	36C3	1	3616	8,5	tám năm	Quynh	
13	CQ19C3025	Lê Thanh	Sang	36C3	1	3615	5,0	năm không	Thanh	
14	CQ19C3027	Nguyễn Thị Minh	Thi	36C3	1	3617	10,0	mười không	Thi	
15	CQ19C3055	Lê Thị Cẩm	Tiên	36C3	1	3616	8,5	tám năm	Tien	
16	CQ19C3032	Nguyễn Đức	Toàn	36C3	1	3615	9,5	chín năm	Toan	
17	CQ19C3034	Tăng Huệ	Trân	36C3	1	3616	9,0	chín không	Tran	
18	CQ19C3036	Phan Thị Ánh	Tuyết	36C3	1	3615	6,5	sáu năm	Tuyet	
19	CQ19C3037	Ngô Thị Mỹ	Uyên	36C3	1	3615	8,5	tám năm	Uyen	
20	CQ19C3038	Lương Quốc	Việt	36C3	1	3615	7,5	bảy năm	Viet	
21	CQ19C3041	Nguyễn Thị Yến	Vy	36C3	1	3617	7,0	bảy không	Vy	
22	CQ19C3039	Võ Thị Thúy	Vy	36C3	1	3616	4,0	bốn không	Vy	
23	CQ17C2045	Nguyễn Trương Thị Lam	Hồng	34C2	1	3615	5,5	năm năm	Hong	
24	CQ17C2051	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	34C2	—	—	—	—	—	✓
25	CQ17C2004	Trần Thị Ngọc	Viên	34C2	1	3615	7,5	bảy năm	Vien	
26	CQ17C2036	Lý Hoàng Kim	Hoa	34C2	1	3617	6,5	sáu năm	Hoa	Thi lại
27	CQ18C2031	Nguyễn Ái	Trân	35C2	1	3615	9,0	chín không	Tran	Thi lại

Danh sách này có: 27 học sinh

Số bài thi: 25 / 25 tờ giấy thi

Giám thị 1: Phạm Thị Mỹ Châu

Giám thị 2: Đặng Thị Mỹ Phương

Vào điểm: Nguyễn Thị Thanh Non Lưu Mạnh

TM. HỘI ĐỒNG THI





Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Phòng thi: pm5

Ngày thi: 24/12/2021

Thời gian: 90'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số file/ folder	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Số máy
1	CQ19C3043	Mang Nguyễn Nguyệt	Anh	36C3	1	36092	6.0	Sau không	Anh	83
2	CQ19C3001	Nguyễn Thị Phương	Anh	36C3	1	36060	7.0	Bây không	Anh	32
3	CQ19C3008	Trương Thị Ngọc	Hân	36C3	1	36060	5.0	Năm không	Ngoc	85
4	CQ19C3009	Hồ Thị Diễm	Hạnh	36C3	1	36092	6.5	Sau năm	Hanh	77
5	CQ19C3045	Trương Mộng Thúy	Hiền	36C3	1	36092	6.0	Sau không	Hi	70
6	CQ19C3011	Hoàng Thị Thanh	Huyền	36C3	1	36060	9.0	Chín không	Huyen	46
7	CQ19C3014	Tô Thị Khánh	Ly	36C3	0	—	—	—	—	vắng
8	CQ19C3050	Võ Ngọc	Mai	36C3	1	36050	7.0	Bây không	Mai	42
9	CQ19C3019	Võ Thị Ngọc	Nhi	36C3	1	36050	6.5	Sau năm	Nhi	47
10	CQ19C3021	Nguyễn Hoàng Minh	Phúc	36C3	1	36092	7.5	Bây năm	Phuc	48
11	CQ19C3023	Nguyễn Trúc	Phương	36C3	1	36050	6.0	Sau không	Phuong	54
12	CQ19C3024	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	36C3	1	36060	6.0	Sau không	Quynh	38
13	CQ19C3025	Lê Thanh	Sang	36C3	1	36050	7.0	Bây không	Sang	73
14	CQ19C3027	Nguyễn Thị Minh	Thi	36C3	1	36092	6.5	Sau năm	Thi	44
15	CQ19C3055	Lê Thị Cẩm	Tiên	36C3	1	36092	5.5	Năm năm	Tien	78
16	CQ19C3032	Nguyễn Đức	Toàn	36C3	1	36060	7.0	Bây không	Toan	68
17	CQ19C3034	Tăng Huệ	Trân	36C3	1	36050	6.0	Sau không	Tran	30
18	CQ19C3036	Phan Thị Ánh	Tuyết	36C3	1	36050	5.0	Năm không	Tue	55
19	CQ19C3037	Ngô Thị Mỹ	Uyên	36C3	1	36092	7.0	Bây không	Uyen	39
20	CQ19C3038	Lương Quốc	Việt	36C3	1	36060	7.0	Bây không	Viet	52
21	CQ19C3041	Nguyễn Thị Yên	Vy	36C3	1	36050	6.0	Sau không	Vy	69
22	CQ19C3039	Võ Thị Thúy	Vy	36C3	1	36060	6.5	Sau năm	Vy	67
23	CQ17C2045	Nguyễn Trương Thị Lam	Hồng	34C2	1	36092	5.0	Năm không	Hong	84
24	CQ17C2051	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	34C2	0	—	—	—	—	vắng
25	CQ17C2004	Trần Thị Ngọc	Viên	34C2	1	36060	5.0	Năm không	Tran	66

Danh sách này có: 25 học sinh

Số bài thi: 2.3.4.5.6.7.8.9.10.11.12.13.14.15.16.17.18.19.20.21.22.23.24.25. file

Giám thị 1: Mai Thị Hằng

Giám thị 2: Lê Thị Viên

Vào điểm: Đặng Thị Mỹ, Phuong

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Hà

Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19D2002	Nguyễn Tuấn	Anh	36D2	1	06	7.0	Bay không	HL	
2	CQ19D2003	Trần Tuyết	Anh	36D2	1	05	7.0	Bay không	HL	
3	CQ19D2006	Nguyễn Quốc	Đạt	36D2	1	06	6.5	Sau năm	De	
4	CQ18D2009	Đỗ Quang	Dự	36D2	1	05	9.5	Chín năm	Dự	
5	CQ19D2007	Trần Duy	Đức	36D2	1	05	6.5	Sau năm	HL	
6	CQ19D2005	Hà Công	Dũng	36D2	1	06	6.5	Sau năm	Dung	
7	CQ19D2008	Phạm Thị Hồng	Hạnh	36D2	—	—	—	—	—	—
8	CQ18D2003	Hoàng Gia	Huy	36D2	1	06	6.0	Sau không	HL	
9	CQ19C3047	Hoàng Mạnh	Huy	36D2	1	05	7.0	Bay không	HL	
10	CQ19D2014	Đỗ Tấn	Lộc	36D2	1	06	7.0	Bay không	Lộc	
11	CQ19D2015	Đỗ Bùi Vi Thiên	Long	36D2	1	05	7.0	Bay không	Long	
12	CQ19D2016	Trương Thị Quý	Mùi	36D2	1	06	9.0	Chín không	HL	
13	CQ19D2017	Nguyễn Thị Trà	My	36D2	1	05	7.0	Bay không	HL	
14	CQ19D2019	Đỗ Lê Bình	Phát	36D2	1	06	7.5	Bay năm	Phát	
15	CQ19D2021	Phạm Lê Hoàng	Phúc	36D2	1	06	7.0	Bay không	HL	
16	CQ19D2022	Phạm Đỗ Hoàng	Phước	36D2	1	05	7.0	Bay không	HL	
17	CQ19D2024	Nguyễn Đình	Sơn	36D2	1	06	6.5	Sau năm	Sơn	
18	CQ19D2027	Nguyễn Đức	Thành	36D2	1	05	7.0	Bay không	HL	
19	CQ19D2028	Vũ Quốc	Thịnh	36D2	1	06	7.0	Bay không	Thịnh	
20	CQ19D2029	Bồ Văn	Thông	36D2	1	05	7.0	Bay không	Thông	
21	CQ19D2031	Nguyễn Hữu Đặng	Trí	36D2	1	06	8.0	Tám không	Trí	
22	CQ19D2033	Phan Thành	Trọng	36D2	1	06	8.0	Tám không	Trọng	
23	CQ19D2034	Đặng Vũ Quang	Trung	36D2	1	05	5.0	Năm không	HL	
24	CQ19D2036	Phạm Thị Ánh	Tuyết	36D2	1	06	9.0	Chín không	HL	
25	CQ18D2008	Dương Trịnh Gia	Bảo	35D2	1	05	8.5	Tám năm	HL	
26	CQ18D2004	Trần Thu	Hiền	35D2	1	06	9.0	Chín không	HL	
27	CQ18D2007	Đỗ Văn	Hoàng	35D2	1	05	7.5	Bay năm	HL	
28	CQ18D2019	Trịnh Hoàng	Tuấn	35D2	1	06	6.0	Sau không	HL	

Danh sách này có: 28 học sinh

Số bài thi: ...27.../.....27... tờ giấy thi

Giám thị 1: Phạm Thị Mỹ Châu

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thanh Nam

Vào điểm: Đặng Thị Mỹ Phượng

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH





Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 90'

T	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19D2002	Nguyễn Tuấn	Anh	36D2	1	101	6.5	Sáu năm	AN	
2	CQ19D2003	Trần Tuyết	Anh	36D2	1	102	6.5	Sáu năm	AT	
3	CQ19D2006	Nguyễn Quốc	Đạt	36D2	1	103	7.5	Bảy năm	DA	
4	CQ18D2009	Đỗ Quang	Dự	36D2	1	102	8.5	Tám năm	DY	
5	CQ19D2007	Trần Duy	Đức	36D2	1	103	6.5	Sáu năm	DU	
6	CQ19D2005	Hà Công	Dũng	36D2	1	103	5.5	Năm năm	HUNG	
7	CQ19D2008	Phạm Thị Hồng	Hạnh	36D2	—	—	—	—	—	Vắng
8	CQ18D2003	Hoàng Gia	Huy	36D2	1	101	5.5	Năm năm	HU	
9	CQ19C3047	Hoàng Mạnh	Huy	36D2	1	102	7.5	Bảy năm	HM	
10	CQ19D2014	Đỗ Tấn	Lộc	36D2	1	103	8.0	Tám không	LO	
11	CQ19D2015	Đỗ Bùi Vi Thiên	Long	36D2	1	101	7.5	Bảy năm	LB	
12	CQ19D2016	Trương Thị Quý	Mùi	36D2	1	102	8.5	Tám năm	MT	
13	CQ19D2017	Nguyễn Thị Trà	My	36D2	1	103	9.0	Chín không	NTT	
14	CQ19D2019	Đỗ Lê Bình	Phát	36D2	1	101	6.5	Sáu năm	PL	
15	CQ19D2021	Phạm Lê Hoàng	Phúc	36D2	1	102	7.5	Bảy năm	PLH	
16	CQ19D2022	Phạm Đỗ Hoàng	Phước	36D2	1	103	9.5	Chín năm	PDH	
17	CQ19D2024	Nguyễn Đình	Sơn	36D2	1	101	7.0	Bảy không	SD	
18	CQ19D2027	Nguyễn Đức	Thành	36D2	—	—	—	—	—	Vắng
19	CQ19D2028	Vũ Quốc	Thịnh	36D2	1	103	9.5	Chín năm	TH	
20	CQ19D2029	Bồ Văn	Thông	36D2	2	102	7.0	Bảy không	TH	
21	CQ19D2031	Nguyễn Hữu Đăng	Trí	36D2	1	103	8.0	Tám không	THD	
22	CQ19D2033	Phan Thành	Trọng	36D2	1	101	8.5	Tám năm	TH	
23	CQ19D2034	Đặng Vũ Quang	Trung	36D2	1	102	5.5	Năm năm	DTQ	
24	CQ19D2036	Phạm Thị Ánh	Tuyết	36D2	1	101	9.0	Chín không	PTA	
25	CQ18D2008	Dương Trịnh Gia	Bảo	35D2	1	102	8.0	Tám không	DTG	
26	CQ18D2004	Trần Thu	Hiền	35D2	1	103	9.5	Chín năm	TT	
27	CQ18D2007	Đỗ Văn	Hoàng	35D2	1	101	8.0	Tám không	DV	
28	CQ18D2019	Trịnh Hoàng	Tuấn	35D2	1	103	7.5	Bảy năm	TH	

Danh sách này có: 28 học sinh

Số bài thi: 26... 26... tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn Thị Dung

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Quốc Thành

Vào điểm: Nguyễn Thị Dung

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ NH



Phạm Văn Hà



Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Phòng thi: 2

Ngày thi: 24/12/2021

Thời gian: 90'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19D2002	Nguyễn Tuấn	Anh	36D2	1	TH03	6.0 ^{6.5}	Sau không	Anh	
2	CQ19D2003	Trần Tuyết	Anh	36D2	1	TH04	5.0	Năm không	Anh	
3	CQ19D2006	Nguyễn Quốc	Đạt	36D2	1	TH03	7.5	Bảy năm	Đạt	
4	CQ18D2009	Đỗ Quang	Dự	36D2	1	TH04	8.0	Tám không	Dự	
5	CQ19D2007	Trần Duy	Đức	36D2	1	TH03	5.0 ^{5.5}	Năm không	Đức	
6	CQ19D2005	Hà Công	Dũng	36D2	1	TH04	6.0	Sau không	Dũng	
7	CQ19D2008	Phạm Thị Hồng	Hạnh	36D2	—	—	—	—	—	Vắng thi
8	CQ18D2003	Hoàng Gia	Huy	36D2	1	TH04	7.0	Bảy không	Huy	
9	CQ19C3047	Hoàng Mạnh	Huy	36D2	1	TH03	7.5	Bảy năm	Huy	
10	CQ19D2014	Đỗ Tấn	Lộc	36D2	1	TH04	7.0 ^{7.5}	Bảy không	Lộc	
11	CQ19D2015	Đỗ Bùi Vi Thiên	Long	36D2	1	TH03	6.0	Sau không	Long	
12	CQ19D2016	Trương Thị Quý	Mùi	36D2	1	TH04	8.5	Tám Năm	Mùi	
13	CQ19D2017	Nguyễn Thị Trà	My	36D2	1	TH03	8.0 ^{8.5}	Tám không	My	
14	CQ19D2019	Đỗ Lê Bình	Phát	36D2	1	TH04	6.5	Sau năm	Phát	
15	CQ19D2021	Phạm Lê Hoàng	Phúc	36D2	1	TH03	6.5	Sau năm	Phúc	
16	CQ19D2022	Phạm Đỗ Hoàng	Phước	36D2	1	TH04	8.5	Tám Năm	Phước	
17	CQ19D2024	Nguyễn Đình	Sơn	36D2	1	TH03	6.5	Sau năm	Sơn	
18	CQ19D2027	Nguyễn Đức	Thành	36D2	1	TH04	8.0	Tám không	Thành	
19	CQ19D2028	Vũ Quốc	Thịnh	36D2	1	TH03	5.0	Năm không	Thịnh	
20	CQ19D2029	Bồ Văn	Thông	36D2	1	TH04	6.5	Sau năm	Thông	
21	CQ19D2031	Nguyễn Hữu Đặng	Trí	36D2	1	TH03	5.0 ^{5.5}	Năm không	Trí	
22	CQ19D2033	Phan Thành	Trọng	36D2	1	TH04	8.0	Tám không	Trọng	
23	CQ19D2034	Đặng Vũ Quang	Trung	36D2	1	TH03	6.0	Sau không	Trung	
24	CQ19D2036	Phạm Thị Ánh	Tuyết	36D2	1	TH04	8.5	Tám Năm	Tuyết	
25	CQ18D2008	Dương Trịnh Gia	Bảo	35D2	1	TH03	8.0	Tám không	Bảo	
26	CQ18D2004	Trần Thu	Hiền	35D2	1	TH04	8.0	Tám không	Hiền	
27	CQ18D2007	Đỗ Văn	Hoàng	35D2	1	TH03	6.5	Sau năm	Hoàng	
28	CQ18D2019	Trịnh Hoàng	Tuấn	35D2	1	TH04	8.0	Tám không	Tuấn	

Danh sách này có: 28 học sinh

Số bài thi: 28 / 28 tờ giấy thi

Giám thị 1: Trần Thị Hồng

Giám thị 2: Phan Tuấn

Vào điểm: Đặng Thị Mỹ Phương

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Hà



Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19E2002	Nguyễn Vũ Kim	Anh	36E2	1	05	9.5	Chín năm	anh	
2	CQ19E2003	Tổng Doanh	Doanh	36E2	1	06	8.5	Tám năm	Doanh	
3	CQ19A2005	Nguyễn Thị Thanh	Hà	36E2	1	05	9.0	Chín không	Hà	
4	CQ19E2006	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	36E2	1	06	9.0	Chín không	Hồng	
5	CQ19E2009	Đặng Đỗ Ngọc	Phụng	36E2	1	05	9.5	Chín năm	Phụng	
6	CQ19E2015	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	36E2	1	06	8.0	Tám không	Trâm	
7	CQ19E2017	Phạm Thị Việt	Trinh	36E2	1	05	9.5	Chín năm	Việt	
8	CQ19E2011	Đoàn Thanh	Trúc	36E2	1	06	7.0	Bảy không	Trúc	
9	CQ19E2012	Lê Thanh	Tùng	36E2	1	05	6.0	Sáu không	Tùng	

Danh sách này có: 9 học sinh

Số bài thi: 09/09 từ giấy thi

Giám thị 1: Phạm Thị Mỹ Châu

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thanh Nam

Vào điểm: Đặng Thị Mỹ Phương

TM. HỘI ĐỒNG THI



Phan Thanh Hà

Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 90'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19E2002	Nguyễn Vũ Kim	Anh	36E2	1	109	9,0	chín không	<i>Hy</i>	
2	CQ19E2003	Tổng Doanh	Doanh	36E2	1	108	8,5	tám năm	<i>Doanh</i>	
3	CQ19A2005	Nguyễn Thị Thanh	Hà	36E2	1	107	8,0	tám không	<i>Ha</i>	
4	CQ19E2006	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	36E2	1	109	7,5	bảy năm	<i>Hong</i>	
5	CQ19E2009	Đặng Đỗ Ngọc	Phụng	36E2	1	108	8,5	tám năm	<i>Phung</i>	
6	CQ19E2015	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	36E2	1	107	6,5	sáu năm	<i>Tram</i>	
7	CQ19E2017	Phạm Thị Việt	Trinh	36E2	1	109	8,0	tám không	<i>Trinh</i>	
8	CQ19E2011	Đoàn Thanh	Trúc	36E2	1	108	9,0	chín không	<i>Truc</i>	
9	CQ19E2012	Lê Thanh	Tùng	36E2	1	107	8,0	tám không	<i>Tung</i>	

Danh sách này có: 9 học sinh

Số bài thi: 09 / 09 tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn Thị Dung

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thanh Non Cúc Mạnh

Vào điểm: Nguyễn Thị Non Cúc Mạnh



Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Phòng thi: 3

Ngày thi: 24/12/2021 Ngành: Tiếng Anh

Thời gian: 120 phút

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19E2002	Nguyễn Vũ Kim	Anh	36E2	1	02	8,5	Tám, năm	<i>[Signature]</i>	
2	CQ19E2003	Tổng Doanh	Doanh	36E2	1	02	8,5	Tám, năm	<i>[Signature]</i>	
3	CQ19A2005	Nguyễn Thị Thanh	Hà	36E2	1	02	7,0	Bảy, không	<i>[Signature]</i>	
4	CQ19E2006	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	36E2	1	01	5,5	Năm, năm	<i>[Signature]</i>	
5	CQ19E2009	Đặng Đỗ Ngọc	Phụng	36E2	1	03	8,0	Tám, không	<i>[Signature]</i>	
6	CQ19E2015	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	36E2	1	03	6,0	Sáu, không	<i>[Signature]</i>	
7	CQ19E2017	Phạm Thị Việt	Trinh	36E2	1	01	3,5	Ba, năm	<i>[Signature]</i>	
8	CQ19E2011	Đoàn Thanh	Trúc	36E2	1	03	9,0	Chín, không	<i>[Signature]</i>	
9	CQ19E2012	Lê Thanh	Tùng	36E2	1	01	6,5	Sáu, năm	<i>[Signature]</i>	

Danh sách này có: 9 học sinh

Số bài thi: 9 / 9 tờ giấy thi

Giám thị 1: *[Signature]* *[Signature]*

Giám thị 2: *[Signature]* *[Signature]*

Vào điểm: *[Signature]* *[Signature]*

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Hà

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19F2001	Phạm Quỳnh	Anh	36F2	1	06	7.5	Bảy năm		
2	CQ19F2005	Nguyễn Huy	Hoàng	36F2	1	06	5.5	Năm năm		
3	CQ19F2013	Nguyễn Văn	Sang	36F2	1	05	9.5	Chín năm		
4	CQ15B2005	Võ Tấn	Đạt	32F2	1	05	9.5	Chín năm		
5	CQ15F2022	Nguyễn Hoàng	Thiện	32F2	1	06	9.0	Chín không		

Danh sách này có: 5 học sinh

Số bài thi: 05...../..... tờ giấy thi

Giám thị 1: ...Phạm Thị Mỹ Châu.....

Giám thị 2: ...Nguyễn Thị Thanh Non.....

Vào điểm: ...Đặng Thị Mỹ Hương.....

TM. HỘI ĐỒNG THI



Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 100'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19F2001	Phạm Quỳnh	Anh	36F2	1	174	6,0	sáu không		
2	CQ19F2005	Nguyễn Huy	Hoàng	36F2	1	175	4,5	bốn năm		
3	CQ19F2013	Nguyễn Văn	Sang	36F2	1	176	8,5	tám năm		
4	CQ15B2005	Võ Tấn	Đạt	32F2	1	175	7,5	bảy năm		
5	CQ15F2022	Nguyễn Hoàng	Thiện	32F2	1	174	9,5	chín năm		

Danh sách này có: 5 học sinh

Số bài thi: 05...../.....05..... tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn Thị Dung

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thanh Non Cúc Thanh

Vào điểm: Nguyễn Thị Thanh Non Cúc Thanh

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hà



DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Phòng thi: Sắc lý Long Ngày thi: 24/12/2021

Thời gian: 25 phút

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19F2001	Phạm Quỳnh	Anh	36F2	1	02B	5,0	Năm không	<u>Phạm Quỳnh Anh</u>	
2	CQ19F2005	Nguyễn Huy	Hoàng	36F2	1	02B	5,0	Năm không	<u>Nguyễn Huy Hoàng</u>	
3	CQ19F2013	Nguyễn Văn	Sang	36F2	1	02A	7,5	Bảy lăm	<u>Nguyễn Văn Sang</u>	
4	CQ15B2005	Võ Tấn	Đạt	32F2	1	02C	5,0	Năm, không	<u>Võ Tấn Đạt</u>	
5	CQ15F2022	Nguyễn Hoàng	Thiện	32F2	1	02A	8,0	Tám không	<u>Nguyễn Hoàng Thiện</u>	

Danh sách này có: 5 học sinh

Số bài thi: 05 / 05 tờ giấy thi

Giám thị 1: Lê Văn Tấn

Giám thị 2:

Vào điểm: Phạm Thị Văn

TM. HỘI ĐỒNG THI



Phan Thanh Hà



SỞ LAO ĐỘNG-TB&XH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG CÔNG NÔNG LÂM NGHIỆP

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: CHÍNH TRỊ

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23/12/2021

Thời gian: 75'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19H2003	Lê Nguyễn Thị	Châu	36H2	1	06	9.0	Chín không		
2	CQ19H2004	Bùi Trí	Cường	36H2	1	05	9.0	Chín không		
3	CQ19H2005	Từ Ngô Thành	Danh	36H2	1	06	7.0	Bảy không		
4	CQ19H2009	Trần Hải	Dương	36H2	1	05	8.5	Tám năm		
5	CQ19H2008	Nguyễn Thanh	Duy	36H2	1	06	8.5	Tám năm		
6	CQ19H2017	Lê Văn	Huy	36H2	1	05	8.5	Tám năm		
7	CQ19H2027	Nguyễn Thị Thanh	Nga	36H2	1	06	9.5	Chín năm		
8	CQ19H2034	Nguyễn Trần Văn	Quốc	36H2	1	05	8.0	Tám không		
9	CQ19H2035	Lê Như	Quỳnh	36H2	1	06	9.0	Chín không		
10	CQ19H3005	Đỗ Lương	Hải	36H3	1	085	9.5	Chín năm		

Danh sách này có: 10 học sinh

Số bài thi: 10...../..... tờ giấy thi

Giám thị 1: ...Phạm Thị Mỹ Chân.....

Giám thị 2: ...Nguyễn Thị Thanh Nam Lưu Thanh

Vào điểm: ...Đặng Thị Mỹ Phương.....

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Hà



DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
 ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
 KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

Phòng thi: HT

Ngày thi: 23.12.2021

Thời gian: 90'

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số tờ	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	CQ19H2003	Lê Nguyễn Thị	Châu	36H2	1	009	9,0	chín không		
2	CQ19H2004	Bùi Trí	Cường	36H2	1	006	9,5	chín năm		
3	CQ19H2005	Từ Ngô Thành	Danh	36H2	1	005	8,5	tám năm		
4	CQ19H2009	Trần Hải	Dương	36H2	1	004	8,0	tám không		
5	CQ19H2008	Nguyễn Thanh	Duy	36H2	1	006	9,0	chín không		
6	CQ19H2017	Lê Văn	Huy	36H2	1	005	10,0	mười không		
7	CQ19H2027	Nguyễn Thị Thanh	Nga	36H2	1	004	10,0	mười không		
8	CQ19H2034	Nguyễn Trần Văn	Quốc	36H2	1	006	8,0	tám không		
9	CQ19H2035	Lê Như	Quỳnh	36H2	1	005	9,5	chín năm		
10	CQ19H3005	Đỗ Lường	Hải	36H3	1	004	9,0	chín không		

Danh sách này có: 10 học sinh

Số bài thi: 10.../...10... tờ giấy thi

Giám thị 1: Nguyễn Thị Dung 

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thanh Non  Cúc 

Vào điểm: Nguyễn Thị Thanh Non  Cúc 

TM. HỘI ĐỒNG THI

 Phan Thanh Hà

SỞ LAO ĐỘNG-TB&XH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TC NÔNG LÂM NGHIỆP

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM HỌC 2021 - 2022 (23-24/12/2021)
KHOÁ 36 + KHOÁ CŨ (K35, 34, 33, 32 và TY24)

Môn thi: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Phòng thi: PM3

Ngày thi: 24/12/2021

Thời gian: 120 phút

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Số file/ folder	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Số máy
1	CQ19H2003	Lê Nguyễn Thị	Châu	36H2	2	7	6.0	sáu không	<i>[Signature]</i>	19
2	CQ19H2004	Bùi Trí	Cường	36H2	4	8	10.0	mười không	<i>[Signature]</i>	22
3	CQ19H2005	Từ Ngô Thành	Danh	36H2	4	9	5.5	năm năm	<i>[Signature]</i>	30
4	CQ19H2009	Trần Hải	Dương	36H2	2	7	5.5	năm năm	<i>[Signature]</i>	18
5	CQ19H2008	Nguyễn Thanh	Duy	36H2	4	8	6.0	sáu không	<i>[Signature]</i>	CN01
6	CQ19H2017	Lê Văn	Huy	36H2	2	8	7.0	bảy không	<i>[Signature]</i>	24
7	CQ19H2027	Nguyễn Thị Thanh	Nga	36H2	4	7	6.0	sáu không	<i>[Signature]</i>	10
8	CQ19H2034	Nguyễn Trần Văn	Quốc	36H2	4	9	7.5	bảy năm	<i>[Signature]</i>	01.
9	CQ19H2035	Lê Như	Quỳnh	36H2	2	7	6.0	sáu không	<i>[Signature]</i>	23
10	CQ19H3005	Đỗ Lường	Hải	36H3	2	9	6.5	sáu năm	<i>[Signature]</i>	17

Danh sách này có: 10 học sinh

Số bài thi: 10...../.....10.....file nên.

Giám thị 1: Lê Trung Hiếu.....*[Signature]*

Giám thị 2: Nguyễn D. D. Non.....*[Signature]*

Vào điểm: Nguyễn Thị Thanh Non.....*[Signature]*

TM. HỘI ĐỒNG THI



Ngày 10

Tháng 11

1971

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Ngày sinh	Giới tính	Đã học
1	Nguyễn Văn A	Trường THPT	Giáo viên	15/05/1935	Nam	Đã học
2	Trần Thị B	Trường THPT	Giáo viên	22/08/1940	Nữ	Đã học
3	Phạm Văn C	Trường THPT	Giáo viên	10/03/1938	Nam	Đã học
4	Lê Thị D	Trường THPT	Giáo viên	05/11/1942	Nữ	Đã học
5	Đỗ Văn E	Trường THPT	Giáo viên	18/07/1936	Nam	Đã học
6	Hoàng Thị F	Trường THPT	Giáo viên	01/09/1945	Nữ	Đã học
7	Nguyễn Văn G	Trường THPT	Giáo viên	25/02/1939	Nam	Đã học
8	Trần Thị H	Trường THPT	Giáo viên	12/06/1941	Nữ	Đã học
9	Phạm Văn I	Trường THPT	Giáo viên	08/04/1937	Nam	Đã học
10	Lê Thị J	Trường THPT	Giáo viên	20/10/1943	Nữ	Đã học
11	Đỗ Văn K	Trường THPT	Giáo viên	03/01/1934	Nam	Đã học
12	Hoàng Thị L	Trường THPT	Giáo viên	17/05/1944	Nữ	Đã học



Đã học tập và công tác tại Trường THPT
từ năm 1955 đến năm 1970.
Đã được thăng cấp bậc Giáo viên hạng 1
năm 1965.